TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thị Nhung và bà Bạc Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo*** *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**: Chị Lò Thị K**; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp (có mặt).
2. Bị đơn: **Anh Quàng Văn C**; sinh năm: 1991; nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 12 năm 2017, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C đăng ký kết hôn ngày 26/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh C không làm chủ được bản thân nên đã mắc phải tệ nạn nghiện ma túy. Chị K và gia đình đã động viên, giúp đỡ anh C cai nghiện ma túy nhưng anh C không thay đổi. Chị K và anh C từ khi kết hôn sống

chung với gia đình nhà bố mẹ anh C, trong cuộc sống anh C chỉ sống ỉ lại bố mẹ, không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế cùng gia đình. Do quá trình chung sống không thể hòa hợp nên tháng 10/2016 chị K và anh C đã sống ly thân với nhau. Đến nay chị K không còn tình cảm với anh C, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị K được ly hôn với anh Quàng Văn C.

Về con chung: Chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C có 01 người con chung, cháu Quàng Bảo K, sinh ngày 21/6/2014. Hiện tại cháu K đang sinh sống cùng với anh Quàng Văn C, tại bản T, xã M, huyện T. Sau khi ly hôn chị K thấy do cháu K đang ở ổn định với bố đẻ của cháu, từ khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống chị vẫn để con cho anh C nuôi dưỡng. Nên chị cũng đồng ý để cháu K cho anh C nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện tại do công việc của chị không có nên chị chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung.

Về tài sản chung: Kể từ khi kết hôn không tạo lập được tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Quàng Văn C; nhưng anh C không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Về cơ bản đã thực hiện theo quy định của tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật HNGĐ năm 2014 và 147 BLTTDS về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm lẫn nhau nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị K. Về con chung: Đề nghị giao cháu Quàng Bảo K, sinh ngày 21/6/2014 cho anh Quàng Văn C nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Lò Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung của chị Lò Thị K với anh Quàng Văn C thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị K nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Quàng Văn C có nơi cư trú tại bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết và xác minh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Quàng Văn C, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh C. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C kết hôn với nhau ngày 26/8/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hơn nữa, do không làm chủ được bản thân anh C đã mắc tệ nạn nghiện ma túy, tuy đã được chị K và gia đình giúp đỡ cai nghiện nhưng anh C không thay đổi. Chị Lò Thị K vì không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh C nên vào tháng 10/2016 chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để sinh sống từ đó cho đến nay. Khi sống ly thân giữa hai anh chị cũng không có sự quan tâm chia sẻ hay liên lạc với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; do nhiều lần thông báo hợp lệ cho anh Quàng Văn C để tham gia hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh Quàng Văn C không có mặt, qua đó thấy việc anh C không có thiện chí hòa giải quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, toàn diện Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C thì được biết; giữa chị Lò Thị K và anh Quàng Văn C đã sống ly thân được một thời gian dài, chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị K sinh sống đã lâu. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị K, cho chị Lò Thị Kh ly hôn với anh Quàng Văn C.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị K thì thấy: Khi nộp đơn xin ly hôn chị có yêu cầu được nuôi con chung, nhưng trong quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị có thay đổi yêu cầu. Chị thấy rằng hiện tại con chị đang có cuộc sống ổn định và được học tập đầy đủ, từ ngày sống ly thân với anh C con chị vẫn sống với anh C, bản thân chị cũng chưa có việc làm thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của con. Bởi vậy chị đồng ý để con cho anh Quàng Văn C nuôi dưỡng. Do chưa có thu nhập nên chị chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ, Tòa án đã tiến hành xác minh điều kiện sinh hoạt và học tập của cháu K vẫn được đảm bảo. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, với đề nghị của chị Lò Thị K và điều kiện sinh hoạt và học tập của cháu K vẫn được đảm bảo thì cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của anh Quàng Văn C để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cũng như học tập của cháu K.

[3.2] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị K đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị K.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị K được ly hôn với anh Quàng Văn C.

3. Về con chung: Giao cho anh Quàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Quàng Bảo K; sinh ngày 21/6/2014 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; chị Lò Thị K chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị K có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Lò Thị K thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Lò Thị K được miễn án phí ly hôn.

Chị Lò Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2018); anh Quàng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga